TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2026/DS-ST
Ngày: 14-7-2026
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Phát
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đoàn Thị Mai Anh
2. Bà Lê Thị Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Quế Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh - ***tham gia phiên tòa*:** Bà Trương Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 4569/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 514/2026/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 344/2026/QĐST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín

Địa chỉ trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa (Phường Võ Thị Sáu, Quận 3 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Thủy (Giấy ủy quyền ngày 07/4/2026) (có mặt)

2. Bị đơn: bà Phan Thị Hát, sinh năm 1979

Địa chỉ: G54 Cư xá Vĩnh Hội, Phường Khánh Hội (Phường 6, Quận 4 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa - Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín trình bày: Ngày 05/7/2022, bà Phan Thị Hát có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương

Tín – Chi nhánh Hàng Xanh (trước đây là Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Bến Thành) (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Hát, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Hát đã thực hiện các giao dịch từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2023 với tổng số tiền là 112.331.500 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Hát đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 100.590.084 đồng.

Do bà Hát vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ngày 11/12/2025 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 54.554.848 đồng sang quá hạn (gọi là nợ gốc), và tính lãi suất nợ quá hạn hàng tháng trên dư nợ quá hạn, áp dụng lãi suất

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà Phan Thị Hát có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà Hát vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

Buộc bà Phan Thị Hát phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/7/2026, Tổng cộng: 98.390.717 đồng, trong đó: nợ gốc: 54.554.848 đồng, Lãi quá hạn: 43.835.869 đồng.

Bà Hát có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 15/7/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn cũng không gửi văn bản có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án nên không thể thu thập ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc Tòa án thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết, như vậy có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng". Bị đơn có hộ khẩu thường trú và hiện đang thực tế cư trú tại G54 Cư xá Vĩnh Hội, Phường Khánh Hội (Phường 6, Quận 4 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Thủ tục mở phiên tòa vắng mặt đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín khởi kiện yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi còn thiếu theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ký ngày 05/7/2022.

Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định: Ngày 05/7/2022, bà Hát có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Hát, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Hát đã thực hiện các giao dịch từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2023 với tổng số tiền là 112.331.500 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Hát đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 100.590.084 đồng.

Do bà Hát vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ngày 11/12/2025 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 54.554.848 đồng sang quá hạn (gọi là nợ gốc), và tính lãi suất nợ quá hạn hàng tháng trên dư nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 4,16%/tháng (lãi suất trong hạn 2.77%/tháng x 150%).

Xét việc thỏa thuận giữa các bên là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng mà các bên đã ký kết. Cho nên, Ngân hàng yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn thiếu là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Giấy

đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các Điều 90; 91; 95 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng, căn cứ vào các Điều 357, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Phan Thị Hát có trách nhiệm trả cho nguyên đơn một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số tiền còn phải thanh toán tính đến hết ngày 14/7/2026, tổng cộng là: 98.390.717 đồng, trong đó: nợ gốc: 54.554.848 đồng, Lãi quá hạn: 43.835.869 đồng.

Bà Hát có trách nhiệm thanh toán khoản lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 15/7/2026 theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ngày 05/7/2022 cho đến khi bà trả hết nợ gốc cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 4.919.536 đồng; Trả lại số tiền tạm ứng án phí 1.642.000 đồng cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 90, 91, 95 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Điều 357, 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, buộc bị đơn - bà Phan Thị Hát có nghĩa vụ thanh toán một lần sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho nguyên đơn số tiền còn phải thanh toán tính đến hết ngày 14/7/2026, tổng cộng là: 98.390.717 (Chín mươi tám triệu ba trăm chín mươi nghìn bảy trăm mười bảy) đồng, trong đó bao gồm: nợ gốc: 54.554.848 đồng, Lãi quá hạn: 43.835.869 đồng.

Bà Hát có trách nhiệm thanh toán khoản lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 15/7/2026 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ký ngày

05/7/2022 cho đến khi bà Hát trả hết nợ gốc cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phan Thị Hát phải nộp: 4.919.536 (Bốn triệu chín trăm mười chín nghìn năm trăm ba mươi sáu) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.642.000 (Một triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn) đồng theo biên lai số 0049543 ngày 15/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM ;
- VKSND KV1 TP. HCM ;
- THADS TP. HCM;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TAND KHU VỰC 1

ZYQ140726.TL.QDBA 22504

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Huỳnh Tấn Phát